

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/DS-PT
Ngày 11 - 12 - 2020
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trần Quang Khang

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 99/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị N** (Thu N), sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tường 4, xã Hưng P, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà **Đàm Kim C**, sinh năm 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tường 4, xã Hưng P, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đàm Kim C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị N (Thu N) trình bày: Bà Đàm Kim C làm chủ hụi, đây hụi mùa

mở ngày 10/6/2012, loại hội 2.000.000 đồng, mỗi mùa lúa khui một lần, 01 năm khui hội 03 lần, gồm 21 phần (chung) hội. Bà tham gia 01 chung hội và đã hót hết, bà C đã giao đủ tiền hót hội nhưng không nhớ hót ở kỳ thứ mấy và được bao nhiêu tiền. Bà N đã đóng hội chết đến khi mãn hội; sau đó, tổng kết lại trong năm 2012 và năm 2015 mỗi năm đóng 02 kỳ hội; các năm 2013, 2014, 2016, 2017, 2018, 2019 mỗi năm đóng 03 kỳ hội; tổng cộng là 22 kỳ. Dây hội chỉ có 21 chung nên chỉ phải đóng hội 21 kỳ, như vậy bà C đã gom dư 01 kỳ hội với số tiền 2.000.000 đồng. Do đó, bà N yêu cầu bà C trả lại 01 kỳ đóng hội dư là 2.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đàm Kim C trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của bà N về việc bà có làm chủ dây hội mùa mở ngày 10/6/2012 âm lịch, gồm 21 phần hội, bà N có tham gia một phần hội. Hội mở 01 năm 03 kỳ vào tháng 3, tháng 6 và tháng 11, không cố định kỳ mở hội là ngày nào, tùy theo lúa chín sớm hay trễ thì chủ hội sẽ thông báo kỳ mở hội, nhưng tháng mở hội mỗi năm là cố định tháng 3, tháng 6 và tháng 11. Sau kỳ mở hội khoảng 01 tháng thì chủ hội sẽ gom hội của các hội viên để giao cho hội viên hót hội. Bà xác định năm 2012 âm lịch bà mở hai kỳ hội vào tháng 6 và tháng 11. Ngoài ra, năm 2015 do lúa thất nên bà và các hội viên có thống nhất ngưng 01 kỳ hội, do đó năm 2015 chỉ mở 02 kỳ hội vào tháng 4 và tháng 11. Các năm còn lại mỗi năm đều mở 03 kỳ hội vào tháng 3, tháng 6 và tháng 11 cho tới lúc mãn hội. Kỳ hội cuối cùng mãn hội là mở vào tháng 11/2019 âm lịch. Bà gom tiền của hội viên và giao hội cho hội viên hót vào tháng 12/2019 âm lịch. Do bà N đã hót hội nên kỳ hội cuối cùng mở vào tháng 11/2019 âm lịch bà N phải đóng cho bà 01 kỳ hội chết với số tiền là 2.000.000 đồng. Bà xác định gom đủ 21 kỳ hội, không có gom dư nên bà không đồng ý trả số tiền 2.000.000 đồng theo yêu cầu của bà N.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 5, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của chính phủ về họ, hội, biểu, phường

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N đòi nợ hội đối với bà

Đàm Kim C. Buộc bà Đàm Kim C có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về áp dụng lãi suất trong giai đoạn thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 10 năm 2020, bị đơn bà Đàm Kim C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà Chăm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đàm Kim C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đàm Kim C nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đàm Kim C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử, nhận thấy rằng:

[3.1] Các đương sự thống nhất bà Huỳnh Thị N tham gia 01 phần hội (01 chung hội) do bà C làm chủ hội, dây hội mùa 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2012 âm lịch, dây hội gồm 21 phần hội. Hội mở 01 năm ba kỳ vào tháng 3, tháng 6 và tháng 11. Năm 2012 (âm lịch) bà C mở hai kỳ hội vào tháng 6 và tháng 11. Ngoài ra, năm 2015 do mất mùa nên bà C và các hội viên thống nhất chỉ mở hai kỳ vào tháng 3 và tháng 11. Các năm còn lại là 2013, 2014, 2016, 2017, 2018, 2019 đều mở đầy đủ ba kỳ hội. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Tính từ thời điểm mở hội tháng 6 năm 2012 đến tháng 11 năm 2019 (âm lịch) thì dây hội mùa của bà C làm chủ mở tổng cộng 22 kỳ hội. Cụ thể, tính về mặt số học thì từ tháng 6 năm 2012 hội mở và mỗi năm khai 3 kỳ, chỉ có năm

2015 do mất mùa các bên thống nhất chỉ mở 2 kỳ hội thi đến tháng 6/2019 đã đủ 21 kỳ hội. Bà C thừa nhận có gom hội của bà Nghia vào kỳ tháng 11 năm 2019 với số tiền 2.000.000 đồng, nhưng lại cho rằng chỉ mở 21 kỳ hội và gom 21 kỳ chứ không phải 22 kỳ như bà N trình bày là không đúng, mà thực tế bà C đã gom hội đến kỳ thứ 22 là dư 01 kỳ hội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Đàm Kim C trả lại số tiền hội 2.000.000 đồng cho bà Huỳnh Thị N là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đàm Kim C; chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị N không phải chịu. Bà Huỳnh Thị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004746 ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại. Bà Đàm Kim C phải chịu 300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đàm Kim C phải chịu 300.000 đồng; bà Đàm Kim C đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009560 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 148, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đàm Kim C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N. Buộc bà Đàm Kim C có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền hội là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị N không phải chịu. Bà Huỳnh Thị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004746 ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại. Bà Đàm Kim C phải chịu 300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đàm Kim C phải chịu 300.000 đồng; bà Đàm Kim C đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009560 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Phước L;
- CCTHADS huyện Phước L;
- Dương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều